

Số: 94 /2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 10 tháng 09 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN 82:2024/BGTVT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4479/TTr-SXD ngày 13 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang theo khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Không áp dụng Quyết định này đối với các xe ưu tiên được quy định tại Điều 27 Luật số 36/2024/QH15.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người khuyết tật được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật số 51/2010/QH12.

2. Đô thị được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15.

3. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị là việc các tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hóa trên đường bộ trong đô thị.

4. Hoạt động kinh doanh vận tải đường bộ là hoạt động kinh doanh vận tải hành khách và vận tải hàng hóa, gồm các loại hình được quy định cụ thể tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 56 Luật số 35/2024/QH15.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo thông suốt, trật tự, an toàn và hiệu quả; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; thực hiện theo quy định Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật số 36/2024/QH15 và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật số 36/2024/QH15 và phải chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy tắc giao thông đường bộ, tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

4. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô, xe trung chuyển, xe taxi và hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 45 của Luật số 36/2024/QH15.

Điều 5. Quy định đối với các đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô do Sở Xây dựng cấp còn hiệu lực.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật số 36/2024/QH15.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ đối với từng loại phương tiện theo quy định tại Điều 40 Luật số 36/2024/QH15.

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 41 Luật số 36/2024/QH15.

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật số 36/2024/QH15.

đ) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật số 36/2024/QH15.

e) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật số 36/2024/QH15.

g) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của Chính phủ phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu biển hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

Điều 6. Hoạt động vận tải đường bộ

1. Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Xe buýt phải hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, cấp phép hoạt động.

b) Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác.

c) Khi thực hiện việc thay thế hoặc đầu tư mới xe buýt thì đơn vị kinh doanh vận tải phải sử dụng phương tiện sử dụng nhiên liệu điện, năng lượng xanh theo lộ trình tại Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

2. Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô

a) Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định theo quy định tại khoản 7 Điều 56 của Luật số 35/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe ô tô: Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

c) Phương tiện vận tải hành khách bằng xe trung chuyển: Được phép hoạt động trung chuyển hành khách trên địa bàn các xã, phường, đặc khu nơi đơn vị kinh doanh vận tải có tuyến vận tải hành khách cố định đang khai thác theo quy định đã được cơ quan có thẩm quyền công bố, phê duyệt.

3. Hoạt động vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng

a) Hoạt động kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 56 của Luật số 35/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Phương tiện hoạt động kinh doanh vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng:

- Được lưu thông trên các tuyến đường trong đô thị, trừ các tuyến đường cấm theo quy định.

- Được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ thuận tiện để đón, trả khách du lịch nhưng phải tuân thủ quy định của chính quyền địa phương.

- Việc dừng đón trả khách du lịch tại các bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch... được thực hiện theo quy định của tổ chức, đơn vị quản lý bến xe khách, khu vực nhà ga, bến thủy nội địa, khu du lịch, điểm du lịch và đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường.

4. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy định tại khoản 9 Điều 56 của Luật số 35/2024/QH15 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị.

5. Hoạt động vận tải đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh

Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh theo quy định tại Điều 46 của Luật số 36/2024/QH15.

Điều 7. Quy định phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật là phương tiện có chỗ dành cho người khuyết tật và có kết cấu để người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng.

2. Phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật phải có số chỗ ngồi từ 16 chỗ trở lên (bao gồm cả chỗ dành cho người

khuyết tật, không kể chỗ của người lái xe) và trên xe phải có ít nhất 04 ghế ưu tiên dành cho người khuyết tật sử dụng.

3. Phương tiện ô tô vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ người khuyết tật đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật theo QCVN 82:2024/BGTVT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ban hành các quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới; xe máy chuyên dùng; phụ tùng xe cơ giới; thiết bị an toàn cho trẻ em.

Điều 8. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đầu tư các phương tiện xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký tham gia khai thác tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh An Giang phải đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, theo lộ trình như sau:

a) Từ năm 2026 đến hết năm 2030, có ít nhất 20% trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

b) Từ năm 2031, có ít nhất 30% trong tổng số phương tiện khai thác tuyến cố định bằng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu triển khai Quyết định này để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan biết, chấp hành.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai các giải pháp, áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe, đặt vé qua ứng dụng điện thoại di động) để nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá; góp phần tăng cường tính minh bạch và tiện lợi trong dịch vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân và doanh nghiệp.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo Điều 8 Quyết định này.

đ) Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có trụ sở hoặc chi nhánh trên địa bàn tỉnh được Sở Xây dựng cấp Giấy phép kinh doanh vận tải; phối hợp với các lực lượng chức năng khác kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm của chủ xe, người điều khiển xe theo quy định của

pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và Quyết định này.

e) Thông báo kế hoạch phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị tới các đơn vị kinh doanh vận tải để thực hiện.

g) Theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này, tình hình hoạt động và những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉ đạo, giải quyết kịp thời khi có yêu cầu.

2. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng chức năng tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ theo quy định hiện hành và theo Quyết định này.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kinh doanh vận tải làm thủ tục cấp hoặc đổi biển số xe từ màu vàng (dành cho xe kinh doanh vận tải) sang màu trắng (dành cho xe không kinh doanh vận tải) và ngược lại.

c) Kết nối, chia sẻ thông tin đối với các trường hợp vi phạm hành chính đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để phối hợp xử lý.

3. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xác định tuyến đường vận chuyển khách du lịch để các đơn vị kinh doanh du lịch thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Tổ chức quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường trong hoạt động vận tải và Quyết định này cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn để biết, thực hiện.

b) Rà soát, lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ phù hợp với Quyết định này đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý; riêng đối với các tuyến đường không thuộc thẩm quyền quản lý, trước khi lắp đặt phải có sự thống nhất của đơn vị quản lý tuyến đường đó.

c) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết để chấp hành.

d) Thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn quản lý; tổ chức quản lý hoạt động của các chủ thể kinh doanh, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Các cơ quan thông tin, truyền thông

a) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức đoàn thể khác liên quan tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân liên quan

đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

b) Tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển vận tải hành khách công cộng, lợi ích của vận tải hành khách bằng xe buýt trong đô thị để các cơ quan, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí xây dựng hạ tầng kỹ thuật (biển báo điểm dừng đón trả khách, nhà chờ xe buýt) nơi có tuyến xe buýt đi qua, phục vụ phát triển giao thông công cộng và đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân trên địa bàn.

6. Đơn vị kinh doanh vận tải đường bộ

a) Thực hiện hoạt động vận tải theo đúng quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa trong đô thị phải chấp hành nghiêm Quyết định này và các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ.

b) Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý lái xe chấp hành đúng các quy định về lịch trình, hành trình và điểm dừng, đỗ khi hoạt động trong đô thị.

c) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải xây dựng kế hoạch thực hiện các quy định về phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật được quy định tại Quyết định này.

d) Các tổ chức kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ và dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi có trách nhiệm thực hiện kê khai giá theo quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như Điều 10;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP, P. KT. P. TH, P. NC;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, cvquoc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Ngô Công Thúc